



# CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 129 + 130

Ngày 01 tháng 4 năm 2024

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

- 01-3-2024- Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân Quận 4. 3

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 05-3-2024- Quyết định số 662/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế. 12
- 15-3-2024- Quyết định số 794/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (đợt 11). 33

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

11-01-2024- Quyết định số 05/QĐ-UBND công bố kết quả Hệ thống  
hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023.

48

## PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2024/QĐ-UBND

Quận 4, ngày 01 tháng 3 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức  
của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân Quận 4**

### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Tiểu học;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Trung học cơ sở, Trường Trung học phổ thông và Trường Phổ thông có nhiều cấp học;*

*Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Mầm non;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;*

*Căn cứ Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban*

*nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức (quy chế mẫu) của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 4 tại Tờ trình số 148/TTr-GDDT ngày 27 tháng 02 năm 2024; ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp Quận 4 tại Báo cáo thẩm định số 07/BC-PTP ngày 02 tháng 02 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Phòng Nội vụ Quận 4 tại Báo cáo thẩm định số 05/BC-PNV ngày 22 tháng 02 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Ban hành văn bản**

Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 4 thuộc Ủy ban nhân dân Quận 4.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 3 năm 2024. Quyết định này thay thế Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 4.

### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Chiến**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức  
của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân Quận 4  
(Kèm theo Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân Quận 4)

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân Quận 4 (gọi tắt là Phòng Giáo dục và Đào tạo).

#### 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công chức đang công tác tại Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân Quận 4; các cá nhân, tổ chức có liên quan đến Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân Quận 4.

### Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Quận 4 (gọi tắt là Ủy ban nhân dân quận), thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước về giáo dục ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định khác của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

### Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận quyết định, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục của Thành phố Hồ Chí Minh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Trình Ủy ban nhân dân quận quyết định:

a) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Phân cấp, ủy quyền cho Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục của Ủy ban nhân dân quận.

3. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định:

a) Thành lập hoặc cho phép thành lập, thu hồi quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, chuyển đổi loại hình đối với các cơ sở giáo dục công lập, dân lập, tư thục theo quy định, bao gồm: nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, trung tâm học tập cộng đồng và các cơ sở giáo dục khác thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật;

b) Thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường các cơ sở giáo dục công lập; công nhận, không công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thuộc quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định;

c) Khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động giáo dục tại địa phương;

d) Các nội dung quản lý nhà nước khác trong lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân quận:

a) Ban hành văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về giáo dục; kế hoạch, chương trình, dự án phát triển giáo dục mầm non, tiểu học, trung học

cơ sở trên địa bàn sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trên địa bàn phù hợp với kế hoạch của Thành phố Hồ Chí Minh; các văn bản pháp luật về giáo dục theo thẩm quyền;

b) Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận về giáo dục theo phân cấp của Chính phủ.

6. Thực hiện các nhiệm vụ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục được quy định tại Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP và theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khi có điều chỉnh bổ sung.

7. Quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường và ngoài nhà trường; chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn.

8. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc chấp hành quy chế chuyên môn nghiệp vụ; công tác bảo đảm chất lượng giáo dục; công tác tuyển sinh, thi, cấp văn bằng, chứng chỉ; công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc phạm vi quản lý trước Ủy ban nhân dân quận, Sở Giáo dục và Đào tạo và toàn xã hội.

9. Quyết định cho phép hoạt động giáo dục hoặc đình chỉ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập, dân lập, tư thục theo quy định, bao gồm: nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, trung tâm học tập cộng đồng và các cơ sở giáo dục khác thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận.



10. Xây dựng kế hoạch; phối hợp với Phòng Nội vụ thực hiện quy trình, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định tuyển dụng viên chức giáo dục; phân bổ số lượng người làm việc theo vị trí việc làm; công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ sở giáo dục công lập, dân lập, tư thục theo quy định, bao gồm: nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, trung tâm học tập cộng đồng và các cơ sở giáo dục khác thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận.

11. Thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên trong các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật khi được ủy quyền.

12. Chủ trì xây dựng kế hoạch hằng năm về số lượng người làm việc của Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục công lập do Ủy ban nhân dân quận quản lý, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Hướng dẫn tổ chức thực hiện và kiểm tra việc sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận theo quy định.

13. Xây dựng dự toán, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt phương án phân bổ, giao dự toán ngân sách cho các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân quận; phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch hướng dẫn, kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo quy định.

14. Thực hiện kiểm tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và xử lý vi phạm thuộc lĩnh vực phụ trách theo quy định của pháp luật.

15. Hướng dẫn quản lý nhà nước về giáo dục cho Ủy ban nhân dân phường.

16. Thường xuyên cập nhật thông tin về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thuộc phạm vi quản lý vào cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo định kỳ hằng năm, công tác thống kê, thông tin, báo cáo đột xuất về lĩnh vực giáo dục thuộc phạm vi quản lý về công khai lĩnh vực giáo dục của địa phương thuộc phạm vi quản lý với Ủy ban nhân dân quận và Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

17. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Tổ chức bộ máy**

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo hoạt động theo chế độ Thủ trưởng. Phòng Giáo dục và Đào tạo có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Căn cứ vào tình hình thực tế số lượng công việc, nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân quận quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo cho phù hợp và đúng quy định.

2. Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo:

a) Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bổ nhiệm.

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, pháp luật về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo và các công việc được Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí; gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

c) Báo cáo với Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Sở Giáo dục và Đào tạo về tổ chức, hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo; báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân quận khi được yêu cầu; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

3. Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của phòng.

4. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Biên chế công chức**

1. Biên chế công chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng biên chế công chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức; gắn tinh giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức tại Phòng.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi cho phù hợp./.

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 662/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1362/TTr-SYT ngày 20 tháng 02 năm 2024.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 44 thủ tục hành chính lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế, gồm 11

thủ tục hành chính mới ban hành, 33 thủ tục hành chính bị bãi bỏ.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục hành chính:

Thủ tục có thứ tự A.I.13, A.I.15, A.I.16, A.I.20, A.I.21, A.I.22, A.I.23, A.I.24, A.I.25, A.I.26, A.I.27, A.I.28, A.I.45, A.I.46 ban hành kèm Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thủ tục có thứ tự A.I.14, A.I.16, B.2, B.10, B.11, B.13 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm Quyết định số 4047/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

Thủ tục có thứ tự B.2, B.3, B.5, B.6, C.1 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực Dược, mỹ phẩm; Khám bệnh, chữa bệnh; Y Dược học cổ truyền; Y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

Thủ tục có thứ tự II.1, II.2, II.3, II.4, II.5, II.9, II.10, II.11 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THUỘC PHẠM VI  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

*(Ban hành kèm Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 05 tháng 03 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ Y TẾ**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh</b>						
1	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	15 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;</li><li>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;</li><li>- Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ</li></ul>	Trình tự thực hiện: Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm đăng tải thông tin của cơ sở hướng dẫn thực hành trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan và trên hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh. Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu thì cơ quan tiếp nhận phải có văn bản gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và nêu rõ lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.	do. Thông tin đăng tải tối thiểu gồm: tên, địa chỉ cơ sở hướng dẫn thực hành, phạm vi hướng dẫn thực hành (nếu có liên kết trong hướng dẫn thực hành phải đăng tải cả nội dung và tên của cơ sở liên kết hướng dẫn thực hành), chi phí hướng dẫn thực hành.  Trường hợp sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố mà cơ quan tiếp nhận không có văn bản gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về việc chưa đủ điều kiện là cơ sở hướng dẫn thực hành hoặc không thực hiện việc đăng tải thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, cơ sở hướng dẫn thực hành được bắt đầu tổ chức hoạt động hướng dẫn thực hành.
2	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với	- Kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày	Sở Y tế	Không	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	Thời hạn giải quyết thực hiện theo Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề (tối thiểu 60 ngày trước ngày giấy phép hành nghề hết hạn). - Trường hợp cần xác minh việc cập nhật kiến thức y khoa liên tục của người hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài thực hiện thì thời hạn thực hiện thủ tục gia hạn là 15 ngày kể			ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		từ ngày có kết quả xác minh.				
3	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề (tối thiểu 60 ngày trước ngày giấy phép hành nghề hết hạn)	Sở Y tế	Không	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.	Thời hạn giải quyết thực hiện theo Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.
4	Đăng ký hành nghề	- Cùng thời điểm cấp giấy phép	Sở Y tế	Không	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	1. Thời hạn giải quyết thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>hoạt động đối với trường hợp (1) gửi danh sách đăng ký hành nghề cùng thời điểm với thời điểm đề nghị cấp mới giấy phép hoạt động đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động, (2) có thay đổi về người hành nghề trong thời gian chờ cấp giấy phép hoạt động (điểm a, b</p>			<p>ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;  - Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.</p>	<p>2. Trình tự thực hiện:  Bước 2:  Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động có trách nhiệm công bố công khai danh sách người hành nghề trên cổng thông tin điện tử hoặc trang tin điện tử của cơ quan mình và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh như sau:  a) Cùng thời điểm cấp giấy phép hoạt động đối với trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP  b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận văn bản đăng ký hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;  c) Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		khoản 1 Điều 29 Nghị định số 96/2023/ NĐ-CP) - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận văn bản đăng ký hành nghề đối với trường hợp có thay đổi về người hành nghề trong quá trình hoạt động (điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 96/2023/ NĐ-CP)				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Sau 15 ngày kể từ khi nhận được đơn đề nghị và giấy phép hành nghề kèm theo	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;</li> <li>- Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.</li> </ul>	
6	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị	15 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh,</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thời hạn giải quyết thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.</li> <li>2. Trình tự thực hiện:</li> </ol>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	HIV/AIDS				chữa bệnh; - Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.	Bước 2: Khi nhận được hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS, cơ quan quản lý nhà nước về y tế quy định tại khoản 1 Điều 69 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ) gửi cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe (sau đây viết tắt là cơ sở công bố đủ điều kiện) phiếu tiếp nhận hồ sơ theo Mẫu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.
7	Cho phép tổ chức đoàn khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Y tế	Không	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo				Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.	
8	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;</li> <li>- Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	bệnh.				Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.	
9	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	10 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;</li> <li>- Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
10	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	45 ngày	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;</li> <li>- Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.</li> </ul>	Tên thủ tục hành chính thực hiện theo Khoản 6 Điều 87 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (tên TTHC tại danh mục TTHC kèm theo Quyết định số 159/QĐ-BYT: Cho phép thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa; tên TTHC tại nội dung thủ tục kèm theo Quyết định số 159/QĐ-BYT: Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa).
11	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	60 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh,</li> </ul>	Trình tự thực hiện: Bước 1: Bệnh viện đề nghị xếp cấp nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 90 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP cho cơ quan



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>chữa bệnh;</p> <p>- Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.</p>	<p>quy định tại khoản 3 Điều 90 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.</p> <p>Bước 2:</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp cho cơ sở đề nghị phiếu tiếp nhận hồ sơ theo Mẫu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP</p> <p>Bước 3:</p> <p>Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan quy định tại khoản 3 Điều 90 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ban hành văn bản xếp cấp trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan quy định tại khoản 3 Điều 90 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ban hành văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, trong đó phải nêu cụ thể các tài liệu, nội dung</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>cần sửa đổi, bổ sung. Sau khi sửa đổi, bổ sung hồ sơ, bệnh viện đề nghị xếp cấp gửi văn bản kèm theo tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4:</b></p> <p>Sau khi nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan quy định tại khoản 3 Điều 90 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP có trách nhiệm thực hiện trình tự theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tại điểm c khoản 2 Điều 90 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP đối với trường hợp không còn có yêu cầu sửa đổi, bổ sung</li><li>- Tại điểm d, đ khoản 2 Điều 90 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP đối với trường hợp cơ sở đã sửa đổi, bổ sung nhưng chưa đáp ứng yêu cầu.</li></ul> <p><b>Bước 5:</b></p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xếp cấp, cơ quan quy định tại khoản 3 Điều</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						90 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP công bố trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Bộ Y tế các thông tin sau: tên, địa chỉ cơ sở được xếp cấp và cấp chuyên môn kỹ thuật của cơ sở đó.

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ Y TẾ**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC</b>
1.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
2.	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
3.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
4.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
5.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
6.	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
7.	Cấp giấy phép hoạt động đối với nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
		Khám bệnh, chữa bệnh
8.	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
9.	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
10.	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
11.	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
12.	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
13.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
14.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
15.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
	quyền của Sở Y tế	
16.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
17.	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
18.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
19.	Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
20.	Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chuyên khoa	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
21.	Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
22.	Cấp lại Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
23.	Cấp lại Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do bị mất hoặc hư	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
	hông hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Khám bệnh, chữa bệnh
24.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
25.	Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
26.	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước, nước ngoài, đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
27.	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
28.	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
29.	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
30.	Đề nghị Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
	tế	Khám bệnh, chữa bệnh. (Do nhập với thủ tục Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh)
31.	Đề nghị Phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. (Do nhập với thủ tục Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh)
32.	Đề nghị Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. (Do thay đổi thẩm quyền cấp (Bộ Y tế cấp)
33.	Đề nghị Cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới.	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. (Do thay đổi thẩm quyền cấp (Bộ Y tế cấp)



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 794/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố  
(đợt 11)

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1329/TTr-SNV ngày 04 tháng 3 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

Quy trình phân loại đơn vị hành chính cấp xã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ: <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY TRÌNH**

### **Phân loại đơn vị hành chính cấp xã**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

## **I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

<b>STT</b>	<b>Tên hồ sơ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
01	- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã. - Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã đối với đơn vị hành chính cấp xã có tổ chức Hội đồng nhân dân. - Báo cáo thuyết minh đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính cấp xã.	01	Bản chính
02	Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn cấp xã.	01	Bản chính
03	Bản đồ xác định vị trí đơn vị hành chính được phân loại cấp xã.	01	Bản chính
04	Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù cấp xã.	01	Bản chính

## **II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>Thời gian xử lý</b>	<b>Lệ phí</b>
<b>1. Nộp hồ sơ:</b> Tổ chức đề nghị phân loại đơn vị hành chính cấp xã nộp hồ sơ theo các hình thức sau đây: - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Nội vụ (số 86B Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. - Nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Nội	<b>44 ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã.	Không

<p>vụ thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p><b>2. Trả kết quả:</b></p> <p>Tổ chức lựa chọn cách thức nhận kết quả sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Nội vụ.</li> <li>- Nhận kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>		
--	--	--

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

#### 1. Tổ chức thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã tại Sở Nội vụ (22 ngày làm việc)

##### 1.1. Tiếp nhận hồ sơ và đề xuất xử lý tại Sở Nội vụ (06 ngày làm việc)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức	Giờ hành chính	Theo Mục I	Thành phần hồ sơ theo Mục I.
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Chuyên viên Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Nội vụ	1/2 ngày làm việc	Theo Mục I, BM 01, BM 02, BM 03	<p><b>1. Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu</b></p> <p><b>* Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, lập Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02.</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>- Trường hợp từ chối nhận giải quyết hồ sơ: nêu rõ lý do từ chối hồ sơ, lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</p> <p><b>* Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích:</b></p> <p>Thông tin cho tổ chức về việc tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo các biểu mẫu BM 01, BM 02, BM 03 theo quy định.</p> <p>Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến chuyên viên Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên, thực hiện bước B2.</p> <p><b>2. Trường hợp nộp hồ sơ bổ sung hợp lệ:</b> lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01; chuyển hồ sơ đến chuyên viên Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên, thực hiện tiếp bước B2.</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B2	Thẩm định hồ sơ, đề xuất giải quyết	Chuyên viên Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên	03 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo Mục I</li> <li>- BM 01</li> <li>- Dự thảo kết quả: Quyết định thành lập hội đồng thẩm định; Công văn hướng dẫn</li> </ul>	<p>Chuyên viên Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên thẩm định hồ sơ đề xuất kết quả giải quyết:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trường hợp hồ sơ nộp hoặc hồ sơ bổ sung đảm bảo theo quy định: dự thảo Phiếu trình kèm dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.</li> <li>2. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định: dự thảo Phiếu trình kèm Công văn hướng dẫn của Sở Nội vụ.</li> </ol>
B3	Xem xét, ký hồ sơ trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên	01 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo Mục I</li> <li>- Dự thảo Quyết định thành lập hội đồng thẩm định</li> <li>- Dự thảo Công văn hướng dẫn</li> </ul>	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, ký Phiếu trình, trình lãnh đạo Sở Nội vụ ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Công văn hướng dẫn.
B4	Phê duyệt đề xuất, ký ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Công văn	Lãnh đạo Sở Nội vụ	01 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo Mục I</li> <li>- Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định</li> <li>- Dự thảo Công văn hướng dẫn</li> </ul>	<p>Lãnh đạo Sở Nội vụ xem xét hồ sơ, phê duyệt kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đảm bảo theo quy định: ký ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	hướng dẫn				quy định: ký Công văn hướng dẫn.
B5	Phát hành văn bản của Sở Nội vụ	Văn thư Sở Nội vụ	1/2 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo Mục I</li> <li>- Quyết định thành lập Hội đồng Thẩm định</li> <li>- Công văn hướng dẫn</li> </ul>	<p>Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản đối với:</p> <p>1) Trường hợp lãnh đạo Sở Nội vụ ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định: chuyên viên cho số, vào sổ, đóng dấu, phát hành Quyết định đến các cơ quan, đơn vị có liên quan (Công an Thành phố, Sở Tài chính, Sở Lao động, thương binh và xã hội, Cục Thống kê Thành phố...), chuyển đến Chuyên viên Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên để thực hiện bước B6.</p> <p>2) Trường hợp lãnh đạo Sở Nội vụ ký văn bản hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ: chuyên viên cho số, vào sổ, đóng dấu, phát hành Công văn và chuyển Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện bước B22 trả kết quả cho tổ chức.</p>

**1.2. Tổ chức lấy ý kiến thẩm định số liệu hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã (16 ngày làm việc)**

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>	<b>Diễn giải</b>
B6	Tham mưu văn bản thẩm định	Chuyên viên Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên	05 ngày làm việc	- Theo Mục I - Hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã. - Công văn lấy ý kiến thẩm định	Tổng hợp hồ sơ, tham mưu Công văn gửi đến các cơ quan, tổ chức có liên quan (Công an Thành phố, Sở Tài chính, Sở Lao động, thương binh và xã hội, Cục Thống kê Thành phố...) để lấy ý kiến thẩm định số liệu hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã.
B7	Xem xét, ký hồ sơ trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên	03 ngày làm việc	- Theo Mục I - Hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã. - Công văn lấy ý kiến thẩm định	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, ký Phiếu trình, trình Công văn gửi đến các cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến thẩm định số liệu hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã.
B8	Xem xét, ký ban hành Công văn lấy ý kiến thẩm định	Lãnh đạo Sở Nội vụ	02 + 1/2 ngày làm việc	- Theo Mục I - Hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã. - Dự thảo Công văn lấy ý kiến thẩm định	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phát hành Công văn lấy ý kiến thẩm định số liệu hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã.
B9	Phát hành văn bản của Sở Nội vụ	Văn thư Sở Nội vụ	1/2 ngày làm việc	- Theo Mục I - Hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã. - Công văn lấy ý kiến	Chuyên viên cho số, vào sổ, đóng dấu, phát hành Công văn đến các cơ quan, tổ chức có liên quan.



				thẩm định	
B10	Góp ý đối với hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã	Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến góp ý	05 ngày làm việc	- Công văn lấy ý kiến thẩm định. - Hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã.	Các cơ quan, tổ chức quản lý ngành lĩnh vực liên quan đến tiêu chí xét phân loại đơn vị hành chính cấp xã nghiên cứu hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã và gửi ý kiến góp ý về Sở Nội vụ.

**2. Tổng hợp ý kiến thẩm định số liệu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã (11 ngày làm việc)**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B11	Tiếp nhận văn bản góp ý của các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến góp ý	Văn thư Sở Nội vụ	1/2 ngày làm việc	Công văn góp ý phân loại đơn vị hành chính cấp xã của các cơ quan, đơn vị	Chuyên viên cho số đến, vào sổ, chuyển các Công văn góp ý cho Chuyên viên Phòng Xây dựng Chính quyền và công tác thanh niên.
B12	Tổng hợp ý kiến, tham mưu Tờ trình thẩm định phân loại đơn vị hành chính cấp xã.	Chuyên viên Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên	05 ngày làm việc	- Theo Mục I - Hồ sơ ý kiến thẩm định của các đơn vị có liên quan - Dự thảo Tờ trình Thẩm định phân loại đơn vị hành chính cấp xã. - Dự thảo Quyết định hoặc dự thảo Công văn từ chối	Chuyên viên phụ trách tiếp nhận, rà soát hồ sơ và tổng hợp các văn bản có ý kiến thẩm định phân loại đơn vị hành chính cấp xã, tham mưu: - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: chuyên viên tham mưu dự thảo Tờ trình và kèm dự thảo Quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã. - Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: chuyên viên tham mưu Tờ trình và dự thảo

					Công văn từ chối.
B13	Xem xét, ký hồ sơ trình lãnh đạo Sở Nội vụ	Lãnh đạo Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên	02 + 1/2 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo Mục I</li> <li>- Hồ sơ ý kiến thẩm định của các đơn vị có liên quan</li> <li>- Dự thảo Tờ trình</li> <li>- Dự thảo Quyết định hoặc dự thảo Công văn từ chối</li> </ul>	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, ký Phiếu trình, trình lãnh đạo Sở Nội vụ ban hành Tờ trình thẩm định phân loại đơn vị hành chính cấp xã kèm dự thảo Quyết định hoặc dự thảo Công văn từ chối.
B14	Xem xét, ký ban hành Tờ trình thẩm định phân loại đơn vị hành chính cấp xã	Lãnh đạo Sở Nội vụ	02 + 1/2 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo Mục I</li> <li>- Hồ sơ ý kiến thẩm định của các đơn vị có liên quan</li> <li>- Dự thảo Tờ trình Thẩm định</li> <li>- Dự thảo Quyết định hoặc dự thảo Công văn từ chối</li> </ul>	Lãnh đạo Sở Nội vụ xem xét hồ sơ, ký Tờ trình thẩm định phân loại đơn vị hành chính cấp xã (kèm dự thảo Quyết định hoặc dự thảo Công văn từ chối).
B15	Phát hành văn bản của Sở Nội vụ	Văn thư Sở Nội vụ	1/2 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo Mục I</li> <li>- Hồ sơ ý kiến thẩm định của các đơn vị có liên quan</li> <li>- Tờ trình Thẩm định phân loại đơn vị hành chính cấp xã.</li> <li>- Dự thảo Quyết định hoặc dự thảo Công văn từ</li> </ul>	Chuyên viên cho số, vào sổ, đóng dấu, phát hành đến Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.

				chối.	
--	--	--	--	-------	--

**3. Thẩm định và giải quyết hồ sơ tại Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố (11 ngày làm việc)**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B16	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Chuyên viên Phòng Hành chính - Tổ chức Văn phòng UBND Thành phố	1/2 ngày làm việc	- Theo Mục I, - Tờ trình của Sở Nội vụ - Dự thảo Quyết định hoặc dự thảo Công văn từ chối.	Kiểm tra thành phần hồ sơ, tài liệu liên quan; tiếp nhận hoặc chuyển trả hồ sơ; chuyển hồ sơ cho Chuyên viên được phân công xử lý (gồm văn bản giấy và văn bản điện tử).
B17	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng chuyên môn Văn phòng UBND Thành phố	05 ngày làm việc	- Theo Mục I, - Tờ trình của Sở Nội vụ, - Dự thảo Quyết định hoặc dự thảo Công văn từ chối hoặc dự thảo Công văn trả hồ sơ cho Sở Nội vụ	Xem xét thẩm định hồ sơ, tài liệu liên quan: - Hồ sơ đạt yêu cầu: chuyên viên lập Tờ trình kèm dự thảo Quyết định hoặc dự thảo Công văn từ chối, trình lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét, quyết định. - Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: chuyên viên lập Tờ trình kèm dự thảo Công văn chuyển trả hồ sơ cho Sở Nội vụ, trình lãnh đạo Phòng chuyên môn.

B18	Xem xét, ký hồ sơ trình lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Văn phòng UBND Thành phố	01 + 1/2 ngày làm việc	-Theo Mục I -Tờ trình của Sở Nội vụ - Dự thảo Quyết định hoặc dự thảo Công văn từ chối hoặc dự thảo Công văn chuyên trả hồ sơ cho Sở Nội vụ.	Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ và Tờ trình của chuyên viên, ký Tờ trình, trình lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố xem xét.
B19	Xem xét, ký văn bản hoặc trình ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố	01 + 1/2 ngày làm việc	-Theo Mục I, - Tờ trình của Sở Nội vụ - Dự thảo Quyết định hoặc dự thảo Công văn từ chối hoặc dự thảo Công văn chuyên trả hồ sơ Sở Nội vụ.	Lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan. - Hồ sơ đạt yêu cầu: ký Tờ trình, trình lãnh đạo UBND Thành phố phê duyệt Quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã hoặc Công văn từ chối giải quyết cho tổ chức, cá nhân (chuyển đến bước B20). - Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: ký văn bản chuyển hồ sơ cho Sở Nội vụ xử lý (chuyển đến bước B21).
B20	Phê duyệt kết quả giải quyết	Lãnh đạo UBND Thành phố	02 ngày làm việc	- Theo Mục I - Tờ trình của Sở Nội vụ - Dự thảo Quyết định hoặc dự thảo Công văn từ chối.	Lãnh đạo UBND Thành phố xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký Quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã hoặc Công văn từ chối.
B21	Ban hành văn bản, lưu hồ sơ,	Chuyên viên Phòng Hành	1/2 ngày làm việc	- Theo Mục I - Tờ trình của Sở Nội vụ	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản (bản giấy và bản điện tử) và chuyển trả kết quả giải

	thống kê và theo dõi	chính - Tổ chức Văn phòng UBND Thành phố		- Quyết định thẩm định phân loại đơn vị hành chính cấp xã hoặc Công văn từ chối đã ký hoặc Công văn chuyển trả hồ sơ Sở Nội vụ	quyết thủ tục hành chính cho Sở Nội vụ.
--	----------------------	--	--	--	---

#### 4. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B22	Tiếp nhận kết quả, lưu hồ sơ, thống kê theo dõi và trả kết quả	Chuyên viên Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Nội vụ	Giờ hành chính	- Theo Mục I - Quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã hoặc Công văn từ chối hoặc Công văn chuyển trả hồ sơ Sở Nội vụ	- Tiếp nhận hồ sơ và Quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã/ Công văn từ chối hoặc Công văn trả hồ sơ được gửi đến từ Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; số hóa, lưu trữ thủ tục hành chính theo quy định. - Trả kết quả cho tổ chức theo phương thức do tổ chức lựa chọn. - Trường hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trả hồ sơ bổ sung, chuyển đến Chuyên viên Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên để thực hiện bước B12.

**IV. BIỂU MẪU**

<b>STT</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên Biểu mẫu</b>
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Biểu mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
3.	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Biểu mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).

**V. HỒ SƠ CẦN LƯU**

<b>STT</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên Biểu mẫu</b>
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Biểu mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
3.	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Biểu mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ).
4.	//	- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã. - Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã đối với đơn vị hành chính cấp xã có tổ chức Hội đồng nhân dân. - Báo cáo thuyết minh đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính cấp xã.
5.	//	Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn cấp xã.
6.	//	Bản đồ xác định vị trí đơn vị hành chính được phân loại cấp xã.

7.	//	Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù cấp xã.
8.	//	Các hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành.

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

- Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

- Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ về lĩnh vực chính quyền địa phương.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực chính quyền địa phương, sự nghiệp công lập thuộc chức năng quản lý của Sở Nội vụ./.

## ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 11 tháng 01 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Công bố kết quả Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023**

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*



*Căn cứ Kế hoạch số 2528/KH-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn quận Tân Bình;*

*Theo đề nghị của Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 09/TTr-TP ngày 05 tháng 01 năm 2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kết quả Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 kèm theo 04 Danh mục văn bản quy phạm pháp luật gồm:

1. Danh mục Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình trong kỳ Hệ thống hóa 2019 - 2023 (Mẫu số 03 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP);

2. Danh mục Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình trong kỳ Hệ thống hóa 2019 - 2023 (Mẫu số 04 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP);

3. Danh mục Văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình trong kỳ Hệ thống hóa 2019 - 2023 (Mẫu số 05 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP);

4. Danh mục Văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình trong kỳ Hệ thống hóa 2019 - 2023 (Mẫu số 06 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Bá Thành**

**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ của Hội đồng nhân dân,  
Ủy ban nhân dân quận Tân Bình trong kỳ Hệ thống hóa 2019 - 2023**  
*(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA 2019 - 2023**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>					
1	Quyết định	04/2006/QĐ-UBND ngày 30/03/2006	Quyết định về việc ban hành quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước quận Tân Bình	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	12/05/2022
2	Quyết định	06/2006/QĐ-UBND ngày 05/04/2006	Quyết định v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và đào tạo quận Tân Bình.	Bị thay thế bởi Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND Ngày 26/9/2018 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	04/10/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
3	Quyết định	03/2007/QĐ-UBND ngày 10/4/2007	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Bình	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	12/05/2022
4	Quyết định	09/2007/QĐ-UBND ngày 05/9/2007	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận Tân Bình	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	12/05/2022
5	Quyết định	11/2007/QĐ-UBND ngày 01/10/2007	Quyết định về ban hành mức thu phí chợ Tân Bình, Phạm Văn Hai, Hoàng Hoa Thám, Bàu Cát	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/07/2017
6	Quyết định	13/2007/QĐ-UBND ngày 24/12/2007	Quyết định về thành lập Thanh tra Xây dựng 15 phường quận Tân Bình	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/01/2024
7	Quyết định	02/2008/QĐ-UBND ngày 24/01/2008	Quyết định về ban hành Kế hoạch thực hiện chủ đề “Năm 2008 - năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/01/2024
8	Quyết định	02/2009/QĐ-UBND ngày 20/02/2009	Quyết định ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế quận Tân Bình	Bị thay thế bởi Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND Ngày 22/11/2018 của Ủy ban	15/11/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				nhân dân quận Tân Bình	
9	Quyết định	04/2009/QĐ-UBND ngày 24/4/2009	Quyết định về đổi tên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận Tân Bình thành Văn phòng Ủy ban nhân dân	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	12/05/2022
10	Quyết định	05/2009/QĐ-UBND ngày 04/5/2009	Quyết định v/v ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động-Thương binh và xã hội quận Tân Bình	Bị thay thế bởi Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND Ngày 31/5/2018 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	08/06/2018
11	Quyết định	07/2009/QĐ-UBND ngày 06/7/2007	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận Tân Bình	Bị thay thế bởi Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 07/8/2020	14/08/2020
12	Quyết định	11/2009/QĐ-UBND ngày 18/11/2009	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Tân Bình	Bị thay thế bởi Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	26/09/2017
13	Quyết định	12/2009/QĐ-UBND ngày 27/11/2009	Quyết định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến 2020	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	12/05/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
14	Quyết định	13/2009/QĐ-UBND ngày 08/12/2009	Quyết định v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Tân Bình.	Bị thay thế bởi Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	15/11/2018
15	Quyết định	01/2010/QĐ-UBND ngày 25/5/2010	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Bị thay thế bởi Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	10/07/2017
16	Quyết định	02/2010/QĐ-UBND ngày 02/7/2010	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban quản lý Chợ Tân Bình	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/01/2024
17	Quyết định	06/2010/QĐ-UBND ngày 19/8/2010	Quyết định về việc ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	12/05/2022
18	Quyết định	07/2010/QĐ-UBND ngày 15/10/2010	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Chợ Phạm Văn Hai	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/01/2024
19	Quyết định	08/2010/QĐ-UBND ngày 15/10/2010	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban quản lý chợ Bàu Cát.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân	01/01/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				quận Tân Bình	
20	Quyết định	03/2011/QĐ-UBND ngày 21/4/2011	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Tân Bình	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	12/05/2022
21	Quyết định	06/2011/QĐ-UBND ngày 13/7/2011	Quyết định ban hành Quy định khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn quận Tân Bình	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	12/05/2022
22	Quyết định	08/2011/QĐ-UBND ngày 09/11/2011	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề quận Tân Bình	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	12/05/2022
23	Quyết định	09/2011/QĐ-UBND ngày 10/11/2011	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo hoạt động	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	12/05/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
24	Quyết định	01/2012/QĐ-UBND ngày 05/3/2012	Quyết định ban hành Quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước trên địa bàn quận Tân Bình	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	12/05/2022
25	Quyết định	02/2012/QĐ-UBND ngày 02/4/2012	Quyết định ban hành Quy chế kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 04/02/2017 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	11/02/2017
26	Quyết định	04/2012/QĐ-UBND ngày 27/6/2012	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình	Bị thay thế bởi Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 17/02/2020	24/02/2020
27	Quyết định	05/2012/QĐ-UBND ngày 05/7/2012	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	12/05/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			phí hoạt động		
28	Quyết định	101/2016/QĐ-UBND ngày 12/10/2016	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận Tân Bình	Bị thay thế bởi Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/01/2024
29	Quyết định	01/2021/QĐ-UBND ngày 01/3/2021	Quyết định ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận Tân Bình	Bị thay thế bởi Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/01/2024
30	Chỉ thị	03/2007/CT-UBND ngày 10/7/2007	Chỉ thị về việc tăng cường thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn quận	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	09/11/2023
31	Chỉ thị	06/2007/CT-UBND ngày 20/8/2007	Chỉ thị về thực hiện các giải pháp để kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn quận trong 6 tháng cuối năm 2007	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	09/11/2023
32	Chỉ thị	08/2007/CT-UBND ngày 30/8/2007	Chỉ thị về việc tăng cường các biện pháp phòng chống sốt xuất huyết trên địa bàn quận	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	09/11/2023



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
33	Chi thị	02/2011/CT-UBND ngày 16/3/2011	Chi thị về triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội; phân đấu thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, ngân sách quận năm 2011	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	09/11/2023
<b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>					
	Không có				
Tổng số: 33 văn bản					

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2019 THUỘC ĐỐI TƯỢNG CỦA KỶ CÔNG BỐ 2013-2018 NHƯNG CHƯA ĐƯỢC CÔNG BỐ (nếu có)**

<b>STT</b>	<b>Tên loại văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b>	<b>Tên gọi của văn bản</b>	<b>Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b>	<b>Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b>
<b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>					
	Không có				
<b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>					
	Không có				
<b>Tổng số: 0 văn bản</b>					

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số 04

**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần của Hội đồng nhân dân,  
Ủy ban nhân dân quận Tân Bình trong kỳ Hệ thống hóa 2019 - 2023**  
*(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA 2019 - 2023**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b>					
	Không có				
<b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b>					
	Không có				
Tổng số: 0 văn bản					

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2019 THUỘC ĐỐI TƯỢNG CỦA KỲ CÔNG BỐ 2013-2018 NHƯNG CHƯA ĐƯỢC CÔNG BỐ (nếu có)**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
-----	------------------	--	---------------------	------------------------------------	-----------------------------------

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b>					
	Không có				
<b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b>					
	Không có				
Tổng số: 0 văn bản					

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số 05

**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình  
trong kỳ Hệ thống hóa 2019 - 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
<b>I. LĨNH VỰC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ</b>					
1	Quyết định	06/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Văn phòng Hội đồng nhân dân- Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.	23/06/2008	
2	Quyết định	07/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Nội vụ.	23/06/2008	
3	Quyết định	08/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Kinh tế	23/06/2008	
4	Quyết định	09/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Y tế	23/06/2008	

<b>STT</b>	<b>Tên loại văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b>	<b>Tên gọi của văn bản</b>	<b>Thời điểm có hiệu lực</b>	<b>Ghi chú</b>
5	Quyết định	10/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Tài nguyên-Môi trường.	23/06/2008	
6	Quyết định	11/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Văn hóa Thông tin-Thể thao	23/06/2008	
7	Quyết định	12/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Lao động-Thương binh-xã hội	23/06/2008	
8	Quyết định	13/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Tài chính-Kế hoạch	23/06/2008	
9	Quyết định	14/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Tư Pháp	23/06/2008	
10	Quyết định	15/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Quản lý đô thị	23/06/2008	
11	Quyết định	16/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Giáo dục-Đào tạo.	23/06/2008	
12	Quyết định	17/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Thanh tra quận Tân Bình	23/06/2008	
13	Quyết định	06/2009/QĐ-UBND Ngày 21/05/2009	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Bình	28/05/2009	

<b>STT</b>	<b>Tên loại văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b>	<b>Tên gọi của văn bản</b>	<b>Thời điểm có hiệu lực</b>	<b>Ghi chú</b>
14	Quyết định	02/2011/QĐ-UBND Ngày 31/03/2011	Quyết định về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận Tân Bình	06/04/2011	
15	Quyết định	07/2011/QĐ-UBND Ngày 09/11/2011	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận Tân Bình	16/11/2011	
16	Quyết định	06/2012/QĐ-UBND Ngày 12/09/2012	Quyết định của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận Tân Bình.	19/09/2012	
17	Quyết định	02/2017/QĐ-UBND Ngày 23/06/2017	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.	10/07/2017	
18	Quyết định	04/2017/QĐ-UBND Ngày 19/09/2017	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Tân Bình.	29/09/2017	
19	Quyết định	01/2018/QĐ-UBND Ngày 31/05/2018	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội quận Tân Bình	08/6/2018	
20	Quyết định	02/2018/QĐ-UBND Ngày 26/09/2018	Quyết định v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình.	04/10/2018	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
21	Quyết định	03/2018/QĐ-UBND Ngày 08/11/2018	Quyết định v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Tân Bình.	15/11/2018	
22	Quyết định	04/2018/QĐ-UBND Ngày 22/11/2018	Quyết định ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế quận Tân Bình	29/11/2018	
23	Quyết định	01/2020/QĐ-UBND Ngày 17/02/2020	Quyết định của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình.	24/02/2020	
24	Quyết định	02/2020/QĐ-UBND Ngày 07/08/2020	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận Tân Bình	14/08/2020	
25	Quyết định	02/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	Quyết định ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Tư pháp và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/01/2024	
26	Quyết định	03/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	Quyết định ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Nội vụ và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/01/2024	



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
<b>II. CÁC LĨNH VỰC KHÁC</b>					
1	Quyết định	08/2009/QĐ-UBND Ngày 25/09/2009	Quyết định về bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật	01/10/2009	
2	Quyết định	09/2009/QĐ-UBND Ngày 25/09/2009	Quyết định về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành	01/10/2009	
3	Quyết định	04/2011/QĐ-UBND Ngày 20/05/2011	Quyết định về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do UBND quận Tân Bình ban hành do không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành	27/05/2011	
4	Quyết định	05/2011/QĐ-UBND Ngày 20/05/2011	Quyết định về việc công bố văn bản quy phạm pháp luật do UBND quận Tân Bình ban hành hết hiệu lực thi hành	27/05/2011	
5	Quyết định	03/2012/QĐ-UBND Ngày 20/04/2012	Quyết định về việc công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành.	27/04/2012	
6	Quyết định	01/2013/QĐ-UBND Ngày 23/04/2013	Quyết định về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành	30/04/2013	
7	Quyết định	01/2017/QĐ-UBND ngày 13/02/2017	Quyết định về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	20/02/2017	
8	Quyết định	03/2017/QĐ-UBND ngày 26/06/2017	Quyết định về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/07/2017	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
9	Quyết định	01/2022/QĐ-UBND ngày 29/04/2022	Quyết định về việc bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	12/05/2022	
10	Quyết định	01/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	Quyết định về việc bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/01/2024	
<b>Tổng số: 36 văn bản</b>					

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số 06

**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình**

**trong kỳ Hệ thống hóa 2019 - 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

<b>STT</b>	<b>Tên loại văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b>	<b>Tên gọi của văn bản</b>	<b>Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)</b>	<b>Nội dung kiến nghị / Lý do kiến nghị</b>	<b>Cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo</b>	<b>Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng</b>
1	Nghị quyết	40/2003/NQ-HĐND Ngày 18/07/2003	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa VIII kỳ họp thứ 10 về việc thông qua đề án chia tách quận, phường.	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị / Lý do kiến nghị	Cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
2	Nghị quyết	60/2006/NQ-HĐND Ngày 29/6/2006	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 6 về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân quận đối với ông Vũ Hưng Bình	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024
3	Nghị quyết	61/2006/NQ-HĐND Ngày 29/6/2006	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 6 về phê chuẩn quyết toán ngân sách quận năm 2005	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024
4	Nghị quyết	62/2006/NQ-HĐND Ngày 29/6/2006	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 6 về thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2006	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024

<b>STT</b>	<b>Tên loại văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b>	<b>Tên gọi của văn bản</b>	<b>Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)</b>	<b>Nội dung kiến nghị / Lý do kiến nghị</b>	<b>Cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo</b>	<b>Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng</b>
5	Nghị quyết	104/2006/NQ-HĐND Ngày 04/10/2006	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 7 về Đề án phân loại đơn vị hành chính 15 phường quận Tân Bình	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024
6	Nghị quyết	105/2006/NQ-HĐND Ngày 04/10/2006	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 7 về Đồ án quy hoạch chung xây dựng quận Tân Bình	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024
7	Nghị quyết	148/2006/NQ-HĐND Ngày 21/12/2006	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 8 về tình hình thực hiện ngân sách quận năm 2006, dự toán ngân sách năm 2007	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị / Lý do kiến nghị	Cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
8	Nghị quyết	149/2006/NQ-HĐND Ngày 21/12/2006	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 8 về đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách năm 2007	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024
9	Nghị quyết	150/2006/NQ-HĐND Ngày 21/12/2006	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 8 về chương trình giám sát năm 2007	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024
10	Nghị quyết	151/2006/NQ-HĐND Ngày 21/12/2006	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 8 về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2007	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị / Lý do kiến nghị	Cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
11	Nghị quyết	01/2007/NQ-HĐND Ngày 25/01/2007	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 9 về quy hoạch các vị trí cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn quận Tân Bình giai đoạn 2006-2010	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024
12	Nghị quyết	13/2007/NQ-HĐND Ngày 06/7/2007	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 10 về phê chuẩn quyết toán ngân sách quận năm 2006	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị / Lý do kiến nghị	Cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
13	Nghị quyết	14/2007/NQ-HĐND Ngày 06/7/2007	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 10 về quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp và cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn quận Tân Bình giai đoạn 2006-2010	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024
14	Nghị quyết	15/2007/NQ-HĐND Ngày 06/7/2007	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 10 về thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2007	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị / Lý do kiến nghị	Cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
15	Nghị quyết	20/2007/NQ-HĐND Ngày 21/12/2007	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 11 về tình hình thực hiện ngân sách quận năm 2007, dự toán ngân sách năm 2008	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024
16	Nghị quyết	21/2007/NQ-HĐND Ngày 21/12/2007	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 11 về Chương trình giám sát năm 2008	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024
17	Nghị quyết	22/2007/NQ-HĐND Ngày 21/12/2007	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 11 về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị / Lý do kiến nghị	Cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
18	Nghị quyết	23/2007/NQ-HĐND Ngày 21/12/2007	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 11 về đầu tư cơ bản nguồn vốn ngân sách năm 2008	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024
19	Nghị quyết	36/2008/NQ-HĐND Ngày 27/6/2008	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 12 về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006-2010) trên địa bàn quận Tân Bình	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị / Lý do kiến nghị	Cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
20	Nghị quyết	37/2008/NQ-HĐND Ngày 27/6/2008	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 12 về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006-2010) của 15 phường quận Tân Bình	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024
21	Nghị quyết	38/2008/NQ-HĐND Ngày 27/6/2008	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 12 về phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách quận năm 2007	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị / Lý do kiến nghị	Cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
22	Nghị quyết	39/2008/NQ-HĐND Ngày 27/6/2008	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 12 về thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm 2008 và nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2008	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024
23	Nghị quyết	01/2009/NQ-HĐND Ngày 17/4/2009	Nghị quyết HĐND quận Tân Bình khóa IX kỳ họp thứ 14	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của quận	Sở Tư pháp hướng dẫn	Năm 2024
Tổng số: 23 văn bản							

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**



**TẬP HỆ THỐNG HÓA**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÒN HIỆU LỰC  
THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC  
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH  
TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA 2019 - 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

**Quận Tân Bình, năm 2024**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Nội dung văn bản
<b>I. LĨNH VỰC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ</b>					
1	Quyết định	06/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Văn phòng Hội đồng nhân dân- Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.	23/06/2008	Bám để xem trực tuyến
2	Quyết định	07/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Nội vụ.	23/06/2008	Bám để xem trực tuyến
3	Quyết định	08/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Kinh tế	23/06/2008	Bám để xem trực tuyến
4	Quyết định	09/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Y tế	23/06/2008	Bám để xem trực tuyến
5	Quyết định	10/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Tài nguyên-Môi trường.	23/06/2008	Bám để xem trực tuyến
6	Quyết định	11/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Văn hóa Thông tin-Thể thao	23/06/2008	Bám để xem trực tuyến
7	Quyết định	12/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Lao động-Thương binh-xã hội	23/06/2008	Bám để xem trực tuyến
8	Quyết định	13/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Tài chính-Kế hoạch	23/06/2008	Bám để xem trực tuyến
9	Quyết định	14/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Tư Pháp	23/06/2008	Bám để xem trực tuyến
10	Quyết định	15/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Quản lý đô thị	23/06/2008	Bám để xem trực tuyến

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Nội dung văn bản
11	Quyết định	16/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Phòng Giáo dục-Đào tạo.	23/06/2008	Bấm để xem trực tuyến
12	Quyết định	17/2008/QĐ-UBND Ngày 16/06/2008	Quyết định thành lập Thanh tra quận Tân Bình	23/06/2008	Bấm để xem trực tuyến
13	Quyết định	06/2009/QĐ-UBND Ngày 21/05/2009	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Bình	28/05/2009	Bấm để xem trực tuyến
14	Quyết định	02/2011/QĐ-UBND Ngày 31/03/2011	Quyết định về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận Tân Bình	06/04/2011	Bấm để xem trực tuyến
15	Quyết định	07/2011/QĐ-UBND Ngày 09/11/2011	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận Tân Bình	16/11/2011	Bấm để xem trực tuyến
16	Quyết định	06/2012/QĐ-UBND Ngày 12/09/2012	Quyết định của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận Tân Bình.	19/09/2012	Bấm để xem trực tuyến

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Nội dung văn bản
17	Quyết định	02/2017/QĐ-UBND Ngày 23/06/2017	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.	23/06/2017	Bấm để xem trực tuyến
18	Quyết định	04/2017/QĐ-UBND Ngày 19/09/2017	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Tân Bình.	26/09/2017	Bấm để xem trực tuyến
19	Quyết định	01/2018/QĐ-UBND Ngày 31/05/2018	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội quận Tân Bình	08/6/2018	Bấm để xem trực tuyến
20	Quyết định	02/2018/QĐ-UBND Ngày 26/09/2018	Quyết định v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình.	04/10/2018	Bấm để xem trực tuyến
21	Quyết định	03/2018/QĐ-UBND Ngày 08/11/2018	Quyết định v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Tân Bình.	15/11/2018	Bấm để xem trực tuyến
22	Quyết định	04/2018/QĐ-UBND Ngày 22/11/2018	Quyết định ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế quận Tân Bình	29/11/2018	Bấm để xem trực tuyến



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Nội dung văn bản
23	Quyết định	01/2020/QĐ-UBND Ngày 17/02/2020	Quyết định của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình.	24/02/2020	Bấm để xem trực tuyến
24	Quyết định	02/2020/QĐ-UBND Ngày 07/08/2020	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận Tân Bình	14/08/2020	Bấm để xem trực tuyến
25	Quyết định	02/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	Quyết định ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Tư pháp và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/01/2024	Bấm để xem trực tuyến

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Nội dung văn bản
26	Quyết định	03/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	Quyết định ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Nội vụ và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/01/2024	Bấm để xem trực tuyến
<b>II. CÁC LĨNH VỰC KHÁC</b>					
1	Quyết định	08/2009/QĐ-UBND Ngày 25/09/2009	Quyết định về bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật	01/10/2009	Bấm để xem trực tuyến
2	Quyết định	09/2009/QĐ-UBND Ngày 25/09/2009	Quyết định về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành	01/10/2009	Bấm để xem trực tuyến
3	Quyết định	04/2011/QĐ-UBND Ngày 20/05/2011	Quyết định về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do UBND quận Tân Bình ban hành do không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành	27/05/2011	Bấm để xem trực tuyến
4	Quyết định	05/2011/QĐ-UBND Ngày 20/05/2011	Quyết định về việc công bố văn bản quy phạm pháp luật do UBND quận Tân Bình ban hành hết hiệu lực thi hành	27/05/2011	Bấm để xem trực tuyến

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Nội dung văn bản
5	Quyết định	03/2012/QĐ-UBND Ngày 20/04/2012	Quyết định về việc công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành.	27/04/2012	Bấm để xem trực tuyến
6	Quyết định	01/2013/QĐ-UBND Ngày 23/04/2013	Quyết định về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành	30/04/2013	Bấm để xem trực tuyến
7	Quyết định	01/2017/QĐ-UBND ngày 13/02/2017	Quyết định về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	20/02/2017	Bấm để xem trực tuyến
8	Quyết định	03/2017/QĐ-UBND ngày 26/06/2017	Quyết định về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/07/2017	Bấm để xem trực tuyến
9	Quyết định	01/2022/QĐ-UBND ngày 29/04/2022	Quyết định về việc bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	12/05/2022	Bấm để xem trực tuyến
10	Quyết định	01/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	Quyết định về việc bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	01/01/2024	Bấm để xem trực tuyến
Tổng số: 36 văn bản					

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng